TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HỒNG DÂN** **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2019/DS-ST
Ngày: 25 - 10 - 2019
"*V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN NHÂN HUYỆN HỒNG DÂN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Chí Tâm

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lại Thiện Phong

2. Bà Nguyễn Thị Hiểu

Thư ký phiên tòa: Ông Quách Văn Quy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Dân tham gia phiên tòa: Bà Lê Huyền Mao – Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 10 năm 2019 tại Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân mở phiên tòa xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số 105/2019/TLST-DS ngày 21 tháng 5 năm 2019 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản và Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2019/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 9 năm 2019 giữa:

Nguyên đơn: **Ngân hàng thương mại cổ phần (TMCP) B**

Địa chỉ: Tòa nhà Capital Tower, số 109, đường Tr, phường C, quận H, Tp. H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Doãn S, Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Đặng Thị Bích Tr, Chức vụ: Giám đốc L chi nhánh Bạc Liêu.

Người được ủy quyền lại: Ông Lâm Vũ L, Chức vụ: Phó Giám đốc phụ trách – Phòng giao dịch Hồng Dân, trực thuộc L – chi nhánh Bạc Liêu.

Bị đơn: **Anh Danh N**, sinh năm 1985

Địa chỉ: Ấp K, xã N, huyện H, tỉnh B.

(Đại diện nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt.)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. **Theo đơn khởi kiện ngày 21/3/2019 và lời khai của ông Lâm Vũ L là người được ủy quyền lại của nguyên đơn Ngân hàng TMCP B trình bày:** Ngày 28/06/2018, L và Ông Danh N đã ký Hợp đồng tín dụng số HD172806180419A thống nhất về việc vay tiền tại L theo nội dung thỏa thuận sau: Số tiền vay 300.000.000 đồng (*Ba trăm triệu đồng chẵn*). Mục đích vay để tiêu dùng. Thời hạn vay là 60 tháng, kể từ ngày 29/06/2018 đến hết ngày 28/06/2023. Kỳ hạn trả nợ định kỳ hàng tháng cả vốn gốc và lãi. Tài sản đảm bảo là tín chấp. Lãi suất cho vay LS_{CV}: 12%/năm trong 03 tháng đầu, từ tháng thứ 04 trở đi LS_{CV} được tính theo công thức sau: {$LS_{CV} = LS_{\text{Tiết kiệm thường kỳ hạn 13 tháng trả lãi cuối kỳ}} + 5{,}25\%$/năm}. Lãi suất nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Lãi suất nợ lãi chậm trả do hai bên thỏa thuận bằng 10%/năm. Kỳ hạn trả nợ: Nợ gốc và lãi trả cố định ngày 15 hàng tháng. Kỳ trả nợ đầu tiên: Ngày 16/07/2018, Kỳ trả nợ cuối cùng: 28/06/2023. Số tiền nợ gốc phải trả từ kỳ 01 đến kỳ 60: 5.000.000 đồng. Số tiền nợ lãi phải trả tính trên dư nợ thực tế tại từng thời điểm.

Kể từ ngày 15/09/2018, Ông Danh N không trả nợ đúng hạn, phát sinh nợ quá hạn, vi phạm Hợp đồng nhiều lần nhưng không khắc phục theo yêu cầu của L.

Tính đến ngày 24/10/2019, tổng số tiền nợ mà Ông Danh N phải trả cho L là: 142.088.284 đồng. Cụ thể như sau: Nợ vốn gốc 115.988.998 đồng; Lãi chưa trả 24.136.470 đồng; Lãi quá hạn 1.962.816 đồng.

Nay Ngân hàng TMCP B yêu cầu Tòa án xem xét và giải quyết buộc Anh Danh N phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ ngay cho Ngân hàng TMCP B theo Hợp đồng tín dụng số HD172806180419A, với tổng số tiền nợ tạm tính đến ngày 24/10/2019 là: 142.088.284 đồng (một trăm bốn mươi hai triệu, không trăm tám mươi tám ngàn, hai trăm tám mươi bốn đồng) và lãi suất quá hạn theo quy định của Hợp đồng tín dụng mà anh Nhân đã ký với ngân hàng kể từ ngày ngày 25/10/2019 cho đến khi thanh toán dứt nợ.

Ngoài ra, Ngân hàng TMCP B không yêu cầu gì thêm.

Bị đơn Anh Danh N không có lời trình bày:

Anh Danh N có hộ khẩu thường trú tại ấp K, xã N, huyện H, tỉnh B nhưng anh vắng mặt tại nơi cư trú và không xác định được địa chỉ tạm trú hiện nay của anh Nhân. Dó đó, Tòa án không thu thập được lời khai của anh Nhân.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thì Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thì đồng bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không thự hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Qua nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án Kiểm sát viên đã nhận đình và đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ngân hàng thương mại cổ phần B.

Buộc Anh Danh N có nghĩa vụ trả cho ngân hàng thương mại cổ phần B tổng số tiền tạm tính đến ngày 24/10/2019 là 142.088.284 đồng (một trăm bốn mươi hai triệu không trăm tám mươi tám nghìn hai trăm tám mươi bốn đồng). Trong đó: Nợ vốn gốc 115.988.998 đồng; Lãi chưa trả 24.136.470 đồng; Lãi quá hạn 1.962.816 đồng.

Kể từ ngày 25/10/2019 đến khi trả dứt nợ Anh Danh N còn phải chịu khoản tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết.

Buộc bị đơn có nghĩa vụ nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 7.104.414 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[I] Xét về thủ tục tố tụng:

[1] Về mối quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Đây là vụ án tranh chấp về hợp đồng dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú tại huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án và là Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về sự có mặt của đương sự: Bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai vẫn vắng mặt không thông báo lý do cho Tòa án, cũng không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt hay người đại diện tham gia phiên tòa nên Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

[II] Xét về nội dung vụ án:

[1] Xét yêu cầu buộc bị đơn thanh toán nợ vay. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nên Hội đồng xét xử xác định giữa Ngân hàng TMCP B – Phòng giao dịch Hồng Dân và Anh Danh N có ký kết hợp đồng tín dụng số HD172806180419A ngày 28/06/2018 số tiền vay là 300.000.000 đồng. Mục đích vay tiêu dùng.

Thỏa thuận giữa các bên về thời hạn vay là 60 tháng, kể từ ngày 29/06/2018 đến hết ngày 28/06/2023. Tài sản đảm bảo là tín chấp. Lãi suất cho vay LS_{CV}: 12%/năm trong 03 tháng đầu, từ tháng thứ 04 trở đi LS_{CV} được tính theo công thức sau: {$LS_{CV} = LS_{\text{Tiết kiệm thường kỳ hạn 13 tháng trả lãi cuối kỳ}} + 5{,}25\%$/năm}. Lãi suất nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Lãi suất nợ lãi chậm trả do hai bên thỏa thuận bằng 10%/năm. Kỳ hạn trả nợ: Nợ gốc và lãi trả cố định ngày 15 hàng tháng. Kỳ trả nợ đầu tiên: Ngày 16/07/2018, Kỳ trả nợ cuối cùng: 28/06/2023. Số tiền nợ gốc phải trả từ kỳ 01 đến kỳ 60: 5.000.000 đồng. Số tiền nợ lãi phải trả tính trên dư nợ thực tế tại từng thời điểm.

Xét thấy hợp đồng tín dụng nói trên, các bên giao dịch đã ký kết là hợp đồng vay không có bảo đảm bằng tài sản thế chấp. Các bên giao dịch đã ký kết hợp đồng tín dụng trên tinh thần tự nguyện, đúng theo quy định pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên hợp đồng này có hiệu lực, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ các bên.

Kể từ ngày 15/9/2018 anh Nhân không trả nợ đúng hạn, phát sinh nợ quá hạn, vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng đã ký kết. Do đó, Ngân hàng TMCP B khởi kiện yêu cầu Anh Danh N thanh toán tổng số nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 24/10/2019 là 142.088.284 đồng (trong đó: Nợ vốn gốc 115.988.998 đồng; Lãi chưa trả 24.136.470 đồng; Lãi quá hạn 1.962.816 đồng) là có cơ sở và phù hợp với quy định pháp luật tại Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng và Điều 466 Bộ luật dân sự nên cần chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn.

[2] Về mức lãi suất và yêu cầu tiếp tục thanh toán lãi phát sinh: Khi ký kết hợp đồng tín dụng, các bên tự nguyện thỏa thuận với nhau về thời hạn vay, lãi suất vay trong hạn, lãi suất nợ quá hạn. Căn cứ mức lãi suất mà các bên thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng nên cần chấp nhận.

Khi vay thì các bên giao dịch cũng đã thỏa thuận nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi. Tính đến ngày 24/10/2019 còn nợ Ngân hàng TMCP B số tiền nợ lãi là 26.099.286 đồng. Trong đó: Lãi chưa trả là 24.136.470 đồng, lãi quá hạn là 1.962.816 đồng. Do đó, cần buộc anh Nhân có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP B số tiền nợ lãi tạm tính đến ngày 24/10/2019 là 26.099.286 đồng và lãi phát sinh kể từ ngày 25/10/2019 đến khi trả hết nợ theo lãi suất cho vay tại hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết là phù hợp với quy định tại Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

[3] Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Toà án.

Yêu cầu của Ngân hàng TMCP B được chấp nhận nên Ngân hàng TMCP B không phải chịu án phí. Vì vậy, Ngân hàng TMCP B được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.259.000 đồng (ba triệu hai trăm năm mươi chính nghìn đồng) theo biên lai số 0002580 ngày 16/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Dân.

Buộc bị đơn Anh Danh N có nghĩa vụ nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 7.104.414 đồng.

[4] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa. Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ nên được chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ nêu trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017);

- Áp dụng vào các Điều 2; 6; 7, 7a; 9 và Điều 30 Luật thi hành án dân sự;

- Áp dụng Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ngân hàng thương mại cổ phần B.

Buộc Anh Danh N có nghĩa vụ trả cho ngân hàng thương mại cổ phần B tổng số tiền tạm tính đến ngày 24/10/2019 là 142.088.284 đồng (một trăm bốn mươi hai triệu không trăm tám mươi tám nghìn hai trăm tám mươi bốn đồng). Trong đó: Nợ vốn gốc 115.988.998 đồng; Lãi chưa trả 24.136.470 đồng; Lãi quá hạn 1.962.816 đồng.

Kể từ ngày 25/10/2019 đến khi trả dứt nợ Anh Danh N còn phải chịu khoản tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết.

2. Về án phí: Buộc bị đơn Anh Danh N có nghĩa vụ nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 7.104.414 đồng.

Ngân hàng TMCP B được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.259.000 đồng (ba triệu hai trăm năm mươi chính nghìn đồng) theo biên lai số 0002580 ngày 16/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Dân.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh (1b);
- VKSND huyện (2b);
- CC.THADS huyện (1b);
- Các đương sự (4b);
- Lưu hồ sơ vụ án, lưu Tòa (2b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phan Chí Tâm